



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO  
TÀI NGUYÊN NƯỚC LƯU VỰC SÔNG CỬU LONG  
THÁNG 12 NĂM 2024**

**HÀ NỘI, THÁNG 12/2024**

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước  
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034  
Website: [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn); Email: [vttcdbttn@monre.gov.vn](mailto:vttcdbttn@monre.gov.vn)

## MỤC LỤC

<b>I. LỜI GIỚI THIỆU .....</b>	<b>3</b>
<b>II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC .....</b>	<b>5</b>
2.1. Tài nguyên nước mặt.....	5
2.1.1. Dự báo tài nguyên nước mặt .....	5
2.1.2. Cảnh báo tài nguyên nước mặt.....	7
2.2. Tài nguyên nước dưới đất .....	7
2.2.1. Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất .....	7
2.2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất .....	24
2.2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất.....	28
<b>III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>29</b>
3.1. Đối với tài nguyên nước mặt.....	29
3.2. Đối với tài nguyên nước dưới đất.....	29

## I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước trên lưu vực sông Cửu Long được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về tổng lượng nước nội sinh tại các tiểu vùng dự báo; mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước trên phạm vi lưu vực.

Lưu vực sông Cửu Long là một trong các lưu vực sông lớn của Việt Nam, bao gồm 13 tỉnh thành là Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau, có tổng diện tích tự nhiên khoảng 3,96 triệu ha. Tài nguyên nước mặt: lượng mưa của lưu vực sông Cửu Long khoảng 1300-2400mm, tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm trên lưu vực sông Cửu Long khoảng 500 tỷ m<sup>3</sup>, trong đó khoảng 23,0 tỷ m<sup>3</sup> được hình thành trong đồng bằng sông Cửu Long, 477 tỷ m<sup>3</sup> từ trung thượng lưu sông Mê Công chảy vào. Mùa mưa hàng năm thường xuất hiện từ tháng V đến tháng X, lượng dòng chảy mùa lũ chiếm khoảng 70 – 85% tổng lượng dòng chảy năm, mùa cạn từ tháng XI đến tháng IV năm sau, lượng dòng chảy mùa cạn chiếm khoảng 15 – 30% tổng lượng dòng chảy năm. Tài nguyên nước dưới đất: trên lưu vực sông Cửu Long hiện nay có 245 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất được Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia xây dựng và đưa vào vận hành. Lưu vực sông bao gồm 5 tầng chứa nước chính là Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene trên (qp<sub>3</sub>), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp<sub>2-3</sub>), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp<sub>1</sub>), tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocen giữa (n<sub>2</sub><sup>2</sup>) và tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene dưới (n<sub>2</sub><sup>1</sup>). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước như sau: tầng chứa nước qp<sub>3</sub> là 4.975.661m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước qp<sub>2-3</sub> là 7.218.972m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước qp<sub>1</sub> là 7.135.305m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước n<sub>2</sub><sup>2</sup> là 10.128.854m<sup>3</sup>/ngày và tầng chứa nước n<sub>2</sub><sup>1</sup> là 8.563.299m<sup>3</sup>/ngày.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm:

- Dự báo tổng lượng nước mặt nội sinh và cảnh báo nguy cơ thiếu nước tháng 12 trong phạm vi 12 vùng dự báo: N1, N2, N3, N4, L1, L2, L3, L4, L5, M1, M2, M3.

- Thông báo mực nước dưới đất tháng 11 và chất lượng nước mùa mưa năm 2024; dự báo mực nước dưới đất tháng 12/2024 tại các tầng chứa nước chính cho toàn lưu vực, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước mùa mưa năm 2024 trong phạm vi 245 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: [dttnnmdat@monre.gov.vn](mailto:dttnnmdat@monre.gov.vn)

Bản tin được đăng tải tại Website: [nawapi.gov.vn](http://nawapi.gov.vn); [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn)

***Tài nguyên nước mặt:***

Trong tháng 12, dự báo tổng lượng tài nguyên nước mặt nội sinh trên lưu vực sông Cửu Long có xu thế cao hơn khoảng 14 - 20% so với tổng lượng nước tháng cùng kỳ năm trước.

***Tài nguyên nước dưới đất:***

Nhìn chung, mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng trước có xu thế dâng hạ không đáng kể tại tất cả các tầng chứa nước. Chất lượng nước mùa mưa năm 2024 trên lưu vực sông Cửu Long cho thấy hầu hết các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số chỉ tiêu vượt GTGH như Mn, F và  $\text{NH}_4^+$  nước trong các tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn chiếm đa số.

Dự báo mực nước dưới đất tháng 12/2024 có xu thế dâng hạ không đáng kể tại tất cả các tầng chứa nước so với mực nước thực đo tháng 11.

Trên lưu vực sông Cửu Long thời kỳ hiện tại có 13 công trình tại tỉnh Cà Mau (Q188020, Q188030, Q177040, Q17704TM1, Q17704ZM1 - TP.Cà Mau; Q199020, Q199030, Q19904T - , huyện Năm Căn), tỉnh Long An (Q02204Z, Q022050 - huyện Thạnh Hóa), tỉnh Đồng Tháp (Q206030M1, Q206040M1 huyện Lai Vung) và tỉnh Tiền Giang (Q621050 - huyện Châu Thành) có độ sâu mực nước trung bình tháng vượt quá 50% giới hạn cho phép.

***Chi tiết xem nội dung bản tin./.***

## II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

### 2.1. Tài nguyên nước mặt

#### 2.1.1. Dự báo tài nguyên nước mặt

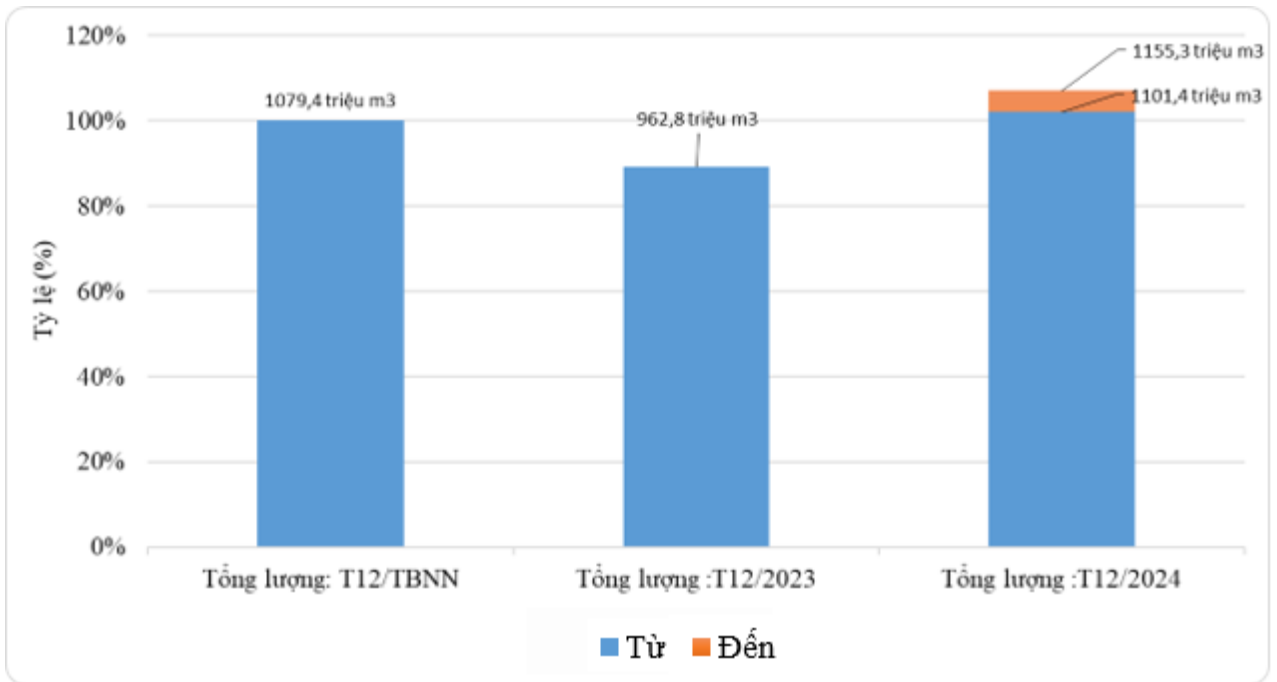
Theo nhận định của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, tổng lượng mưa tháng 12 năm 2024 khu vực Nam Bộ phổ biến cao hơn từ 10-20 mm so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ.

Dựa theo nhận định trên kết hợp với số liệu mưa dự báo từ vệ tinh, dự báo trong tháng 12 năm 2024, tổng lượng nước mặt dự báo sinh ra từ mưa trên phạm vi diện tích lưu vực sông Cửu Long vào khoảng 1,1-1,16 tỷ m<sup>3</sup>. Tổng lượng nước mặt dự báo lớn nhất tại tiểu vùng M2 và nhỏ nhất tại tiểu vùng M1, cụ thể như bảng sau:

Bảng 1. Dự báo tổng lượng nước nội sinh trên LVS Cửu Long trong tháng 11 năm 2024

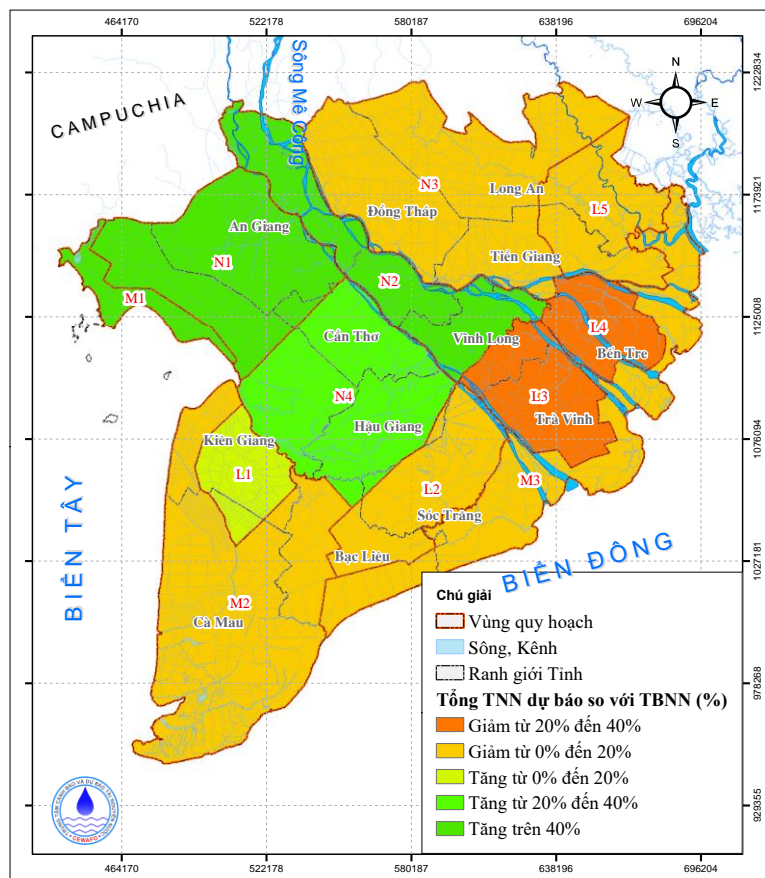
TT	Vùng dự báo	Tổng lượng nước dự báo tháng 12/2024 (triệu m <sup>3</sup> )	
		Từ	Đến
1	N1	147,5	154,7
2	N2	99,3	104,1
3	N3	134,8	141,4
4	N4	147,0	154,2
5	L1	45,7	47,9
6	L2	56,8	59,6
7	L3	29,4	30,8
8	L4	28,6	30,0
9	L5	49,6	52,0
10	M1	27,8	29,2
11	M2	244,9	256,9
12	M3	90,2	94,6
<b>Tổng</b>		<b>1101,4</b>	<b>1155,3</b>

Ghi chú: N: vùng ngọt; L: vùng ngọt-lợ; M: vùng mặn-lợ.



Hình 1. Dự báo tổng lượng nước nội sinh trên lưu vực sông Cửu Long trong tháng 12 năm 2024

*Nhận xét:* Tổng lượng nước mặt dự báo sinh ra từ mưa trên lưu vực sông Cửu Long trong tháng 12 năm 2024 có xu thế cao hơn khoảng 14 - 20% so với tháng cùng kỳ năm trước, cao hơn khoảng 2-7% so với TBNN. Mức tăng cao nhất tại tiểu vùng M1, giảm lớn nhất tại tiểu vùng L3.



Hình 2. Dự báo mức tăng/giảm tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo so với TBNN

### **2.1.2. Cảnh báo tài nguyên nước mặt**

Tổng lượng nước mặt dự báo trên lưu vực sông Cửu Long có xu thế cao hơn trung bình khoảng 14 - 20% so với tháng 12 năm 2023, cao hơn khoảng 2-7% so với TBNN. Do đang trong thời kỳ chuyển tiếp sang mùa khô, vì vậy khả năng sử dụng nguồn nước mặt từ mưa trên lưu vực không thuận lợi bằng cùng kỳ năm trước.

## **2.2. Tài nguyên nước dưới đất**

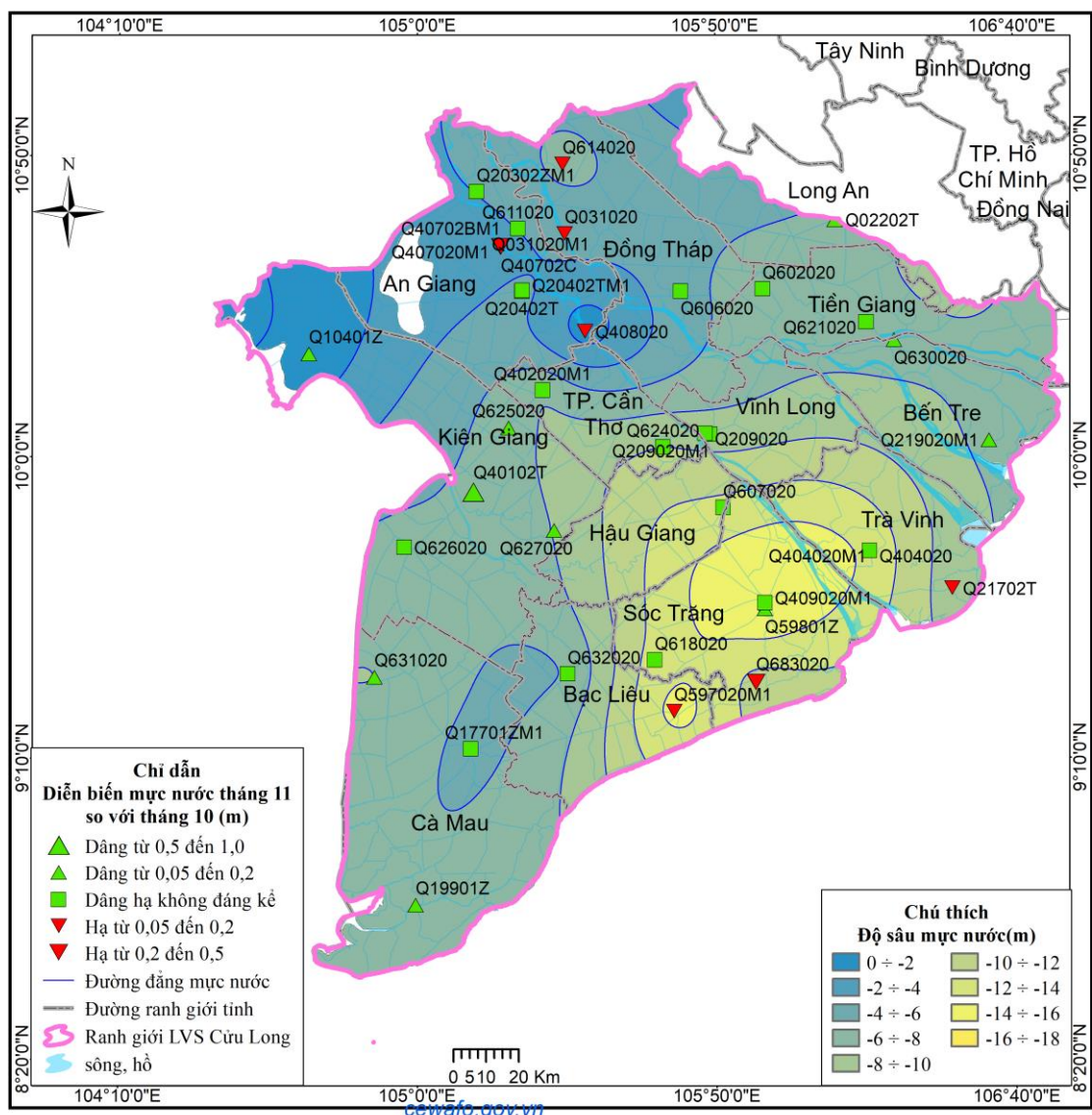
### **2.2.1. Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất**

#### **2.2.1.1 Mục nước**

##### **a) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene trên (qp<sub>3</sub>)**

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 16/35 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 10/35 công trình mực nước dâng và 9/35 công trình mực nước hạ. Giá trị dâng cao nhất là 0,59m tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q40102T) và giá trị hạ thấp nhất là 0,47m tại TT Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Q40702C).

Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,77m tại xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (Q10401Z) và sâu nhất là -16,15m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q59801Z).



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp3

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời kỳ 1 năm, 5 năm, 10 năm và 20 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 1,58m ; 4,61m; 6,24m và 4,45m tại TP. Sóc Trăng – tỉnh Sóc Trăng, huyện Châu Thành – tỉnh Kiên Giang, Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 2. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11	-16,16	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q59801Z)	-0,77	xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (Q10401Z)
1 năm trước (2023)	-15,33	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q59801Z)	-0,94	xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (Q10401Z)
5 năm trước (2019)	-10,72	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q409020M1)	-1,99	phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang (Q408020)

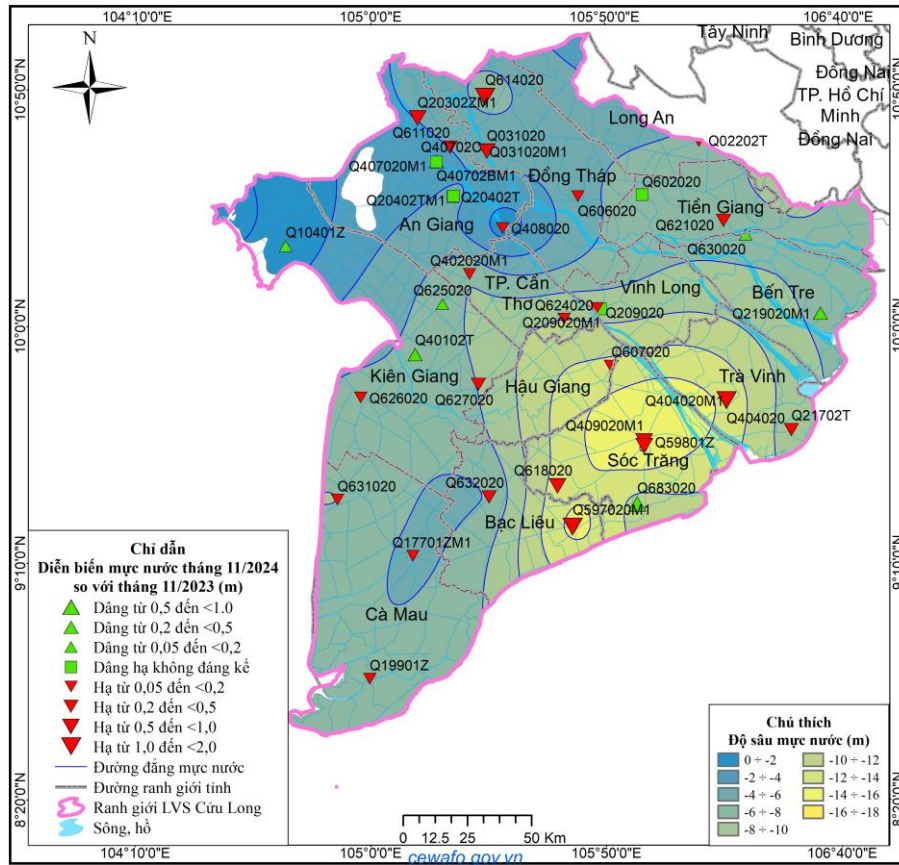


Thời gian	Mức nước TB tháng sâu nhất		Mức nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
10 năm trước (2014)	-9,38	Phường 7, TX.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Q597020M1)	-1,64	phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang (Q408020)
20 năm trước (2004)	-5,33	Phường 7, TX.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Q597020M1)	-0,96	phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang (Q408020)

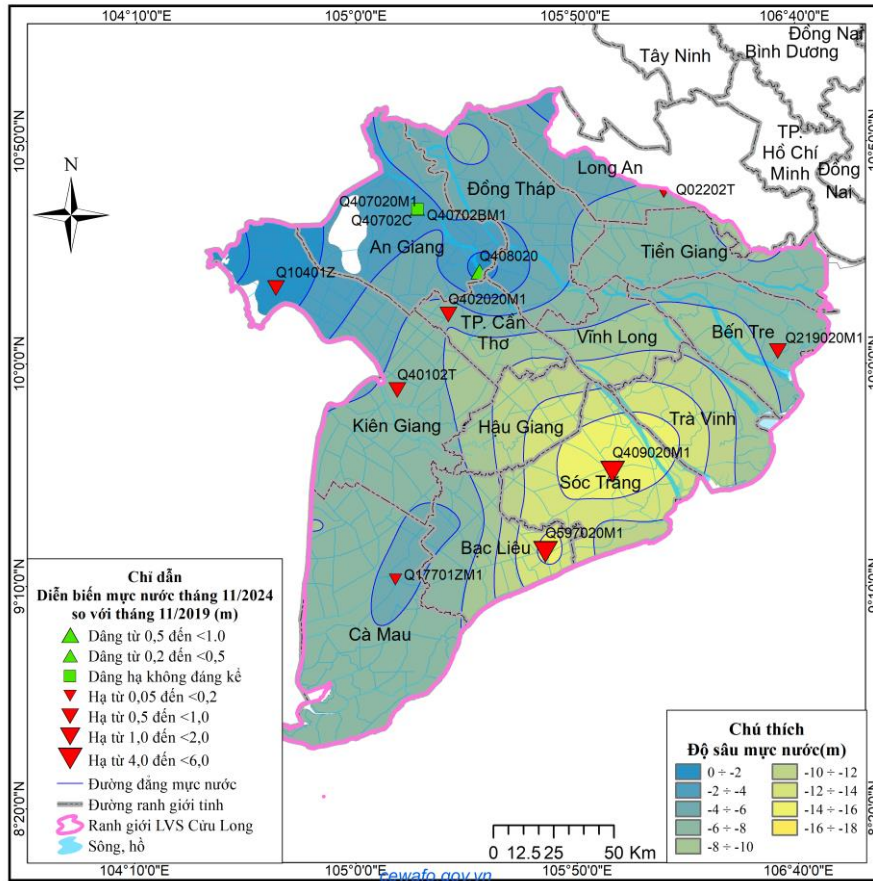
Bảng 3. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2023)	Hạ	1,58	Phường 7, TX.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Q597020M1)	0,96	xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (Q683020)
5 năm trước (2019)	Hạ	4,61	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q409020M1)	0,61	phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang (Q408020)
10 năm trước (2014)	Hạ	6,24	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q409020M1)	0,26	phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang (Q408020)
20 năm trước (2004)	Hạ	4,45	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q40102T)	-	

(Ghi chú: Ký hiệu "-" là không có giá trị)



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước

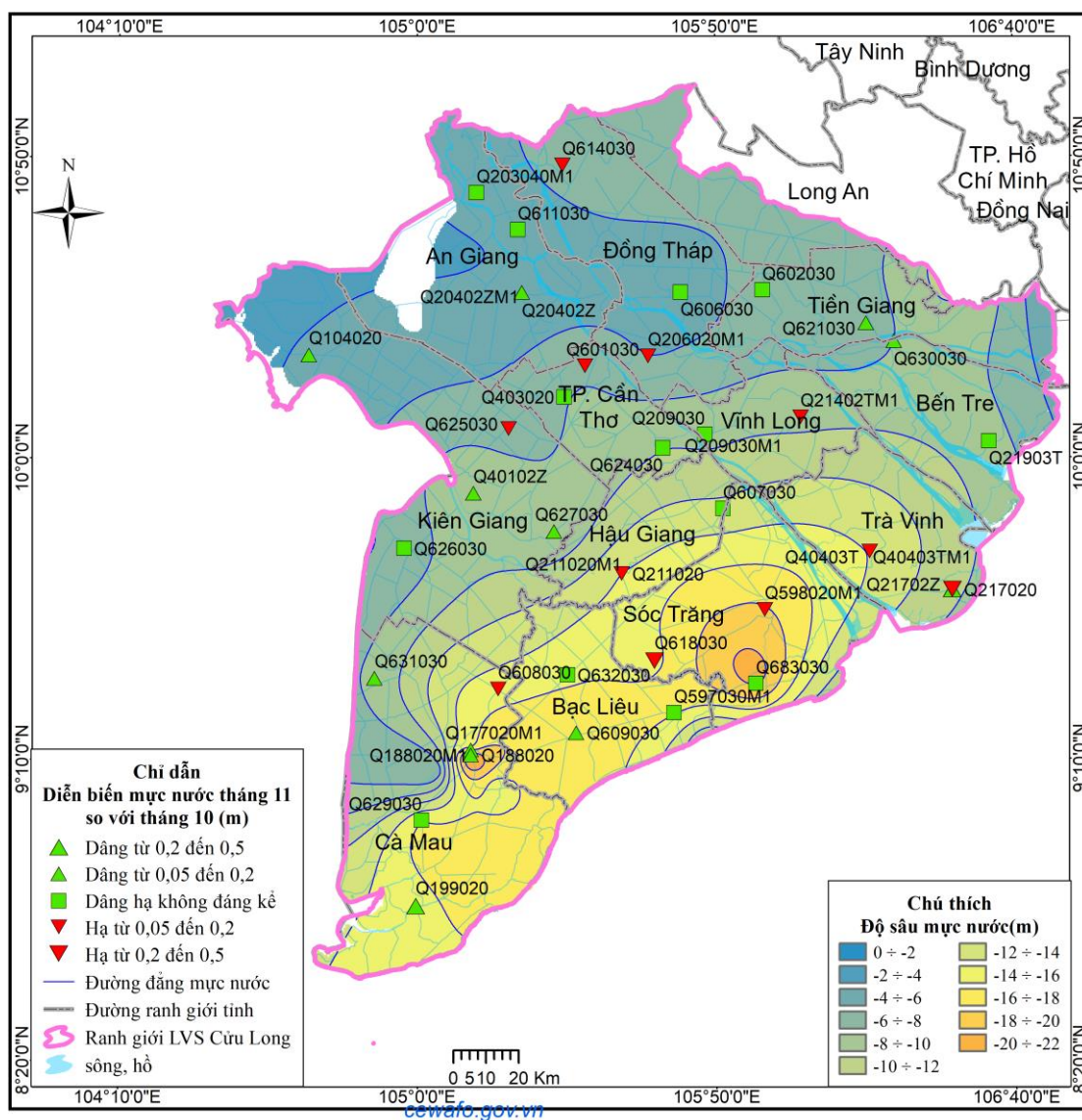


Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

b) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp2-3)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 14/37 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 12/37 công trình mực nước dâng và 11/37 công trình mực nước hạ. Giá trị dâng cao nhất là 0,45m tại Phường 1, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Q21702Z) và giá trị hạ thấp nhất là 0,39m tại phường 1, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Q217020).

Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,19m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104020) và sâu nhất là -21,23m tại Phường 5, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188020).



Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp2-3

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời kỳ 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 1,44m; 6,33m; 8,49m và 5,17m tại TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc trăng; huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

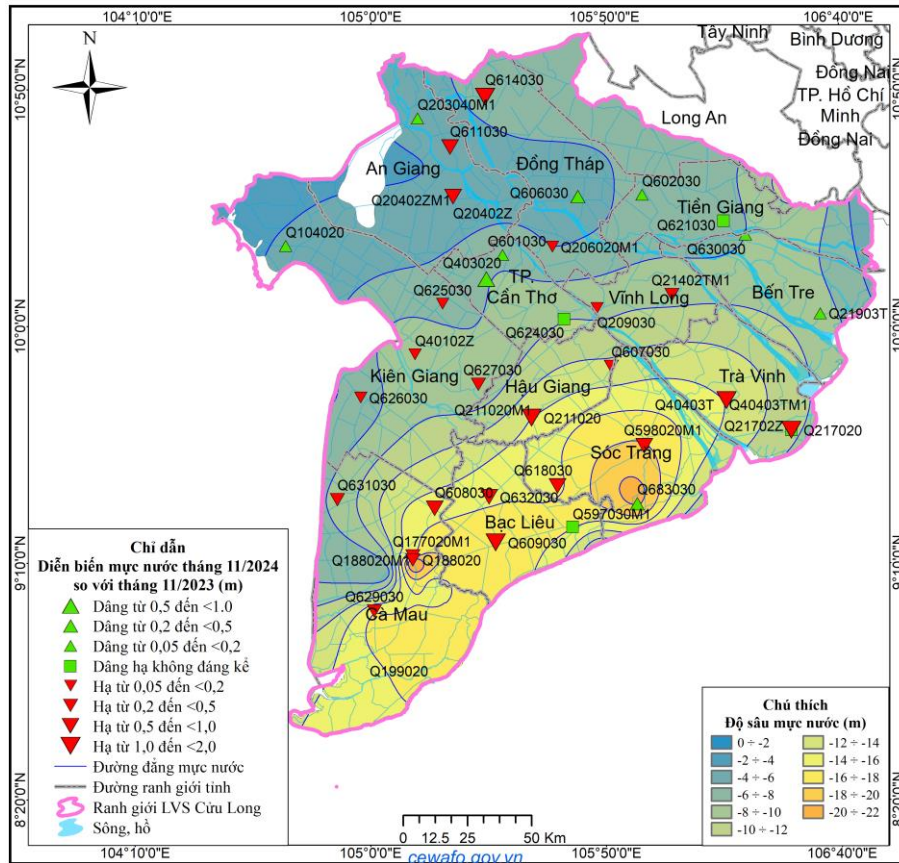
Bảng 4. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11	-21,23	Phường 5, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188020)	-4,20	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104020)
1 năm trước (2023)	-20,85	Phường 5, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188020)	-3,51	xã Phú Xuân, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (Q611030)
5 năm trước (2019)	-12,14	Phường 7, TX.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Q597030M1)	-4,66	xã Lê Chánh, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang (Q203040M1)
10 năm trước (2014)	-10,04	Phường 7, TX.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Q597030M1)	-3,51	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104020)
20 năm trước (2004)	-6,69	Phường 7, TX.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Q597030M1)	-0,94	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104020)

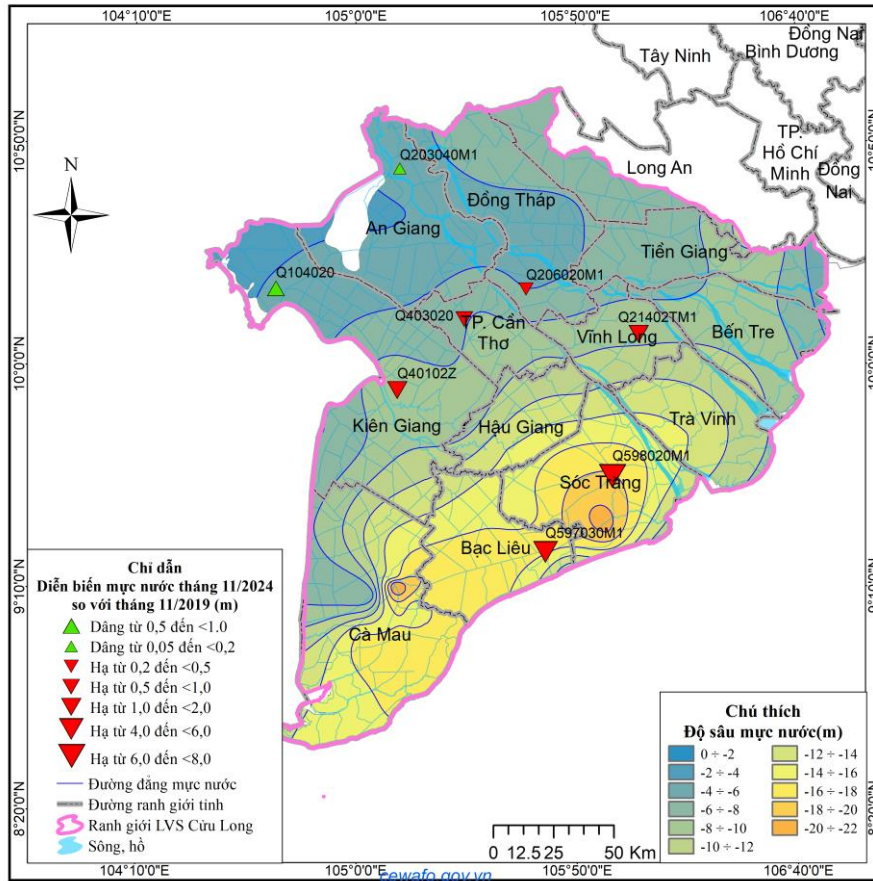
Bảng 5. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2023)	Hạ	1,44	xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Q40403T)	0,60	xã Thạnh Quới, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ (Q403020)
5 năm trước (2019)	Hạ	6,33	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q598020M1)	0,83	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104020)
10 năm trước (2014)	Hạ	8,49	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q598020M1)	0,19	xã Lê Chánh, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang (Q203040M1)
20 năm trước (2004)	Hạ	5,17	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q40102Z)	-	

(Ghi chú: Ký hiệu "-" là không có giá trị)



Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước

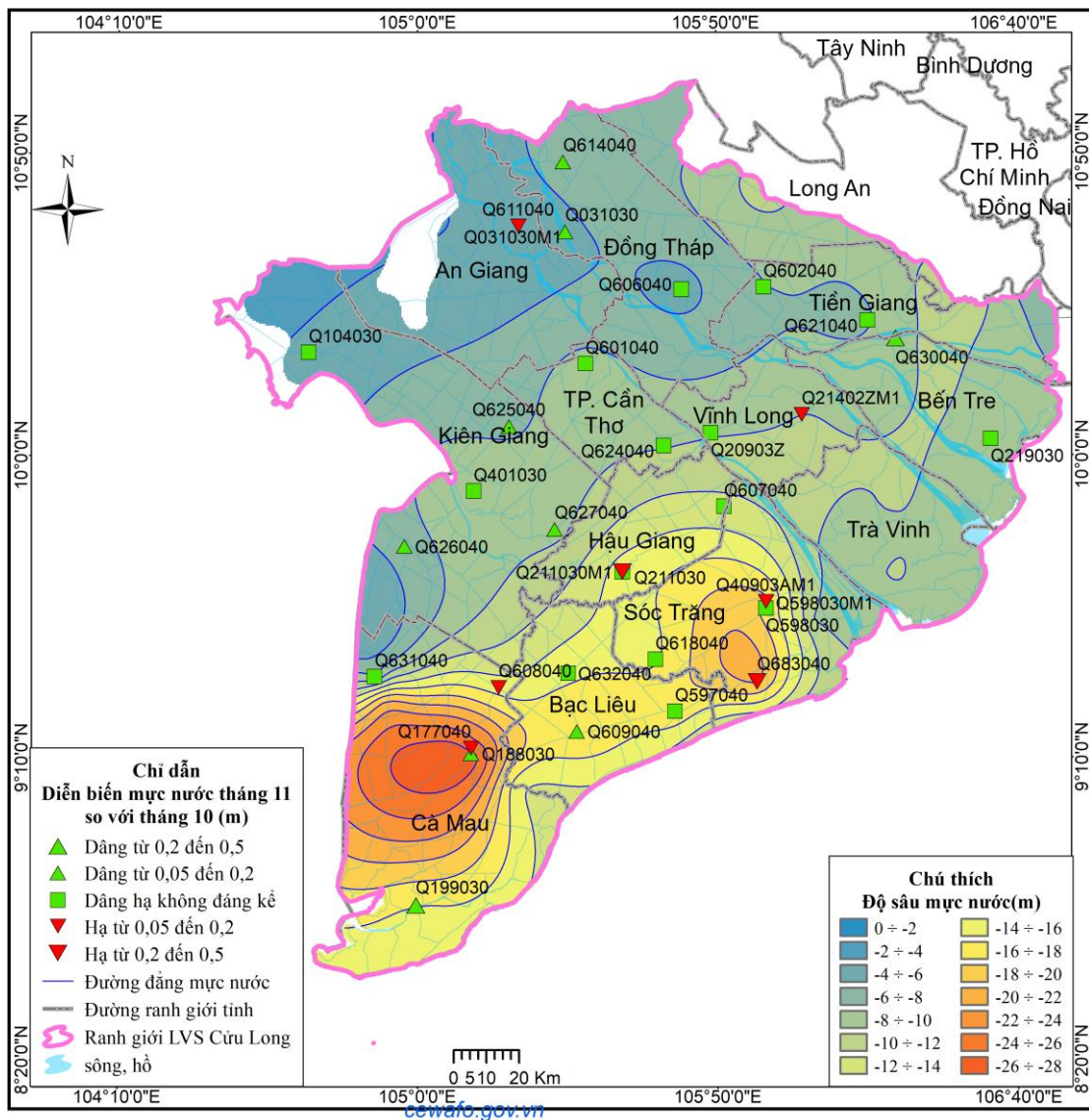


Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

c) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới ( $qp_1$ )

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 15/31 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 9/31 công trình mực nước dâng và 7/31 công trình mực nước hạ. Giá trị dâng cao nhất là 0,27m tại xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Q630040) và giá trị hạ thấp nhất là 0,21m tại xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (Q683040).

Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,38m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104030) và sâu nhất là -26,59m tại Phường 5, Tp Cà Mau (Q188030).



Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng  $qp_1$

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời kỳ 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 2,18m; 5,95m, 7,73m và 5,24m tại huyện Vĩnh Châu, TP. Sóc Trăng - tỉnh Sóc Trăng; huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

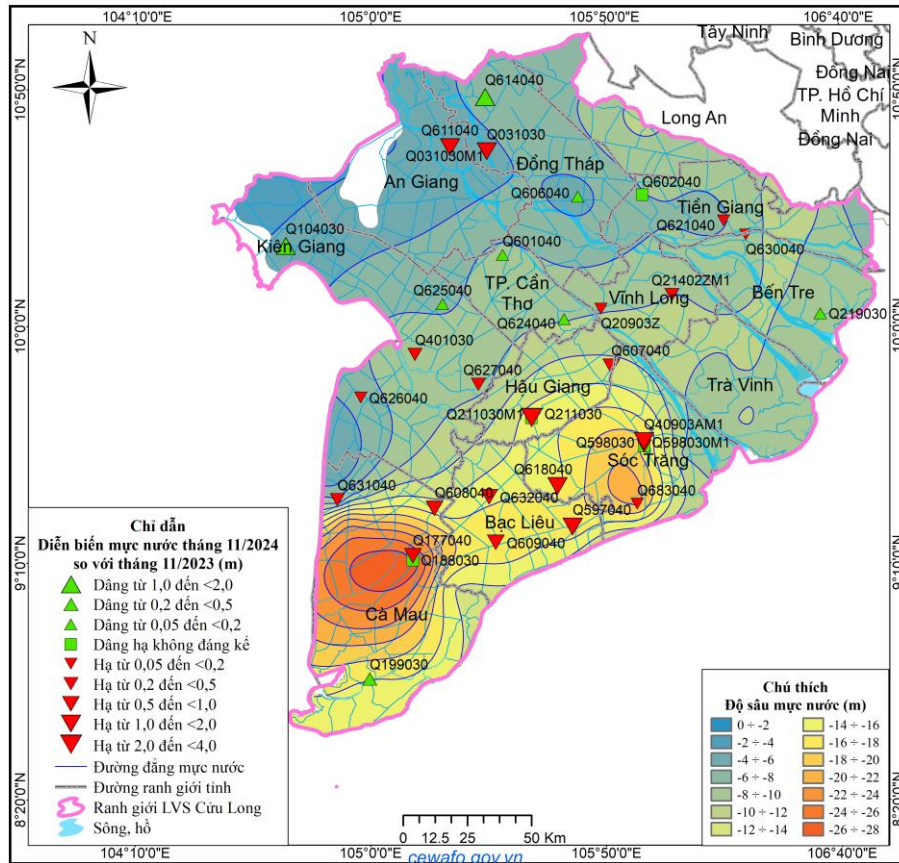
Bảng 6. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11	-26,60	Phường 5, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188030)	-4,38	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104030)
1 năm trước (2023)	-26,58	Phường 5, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188030)	-3,24	xã Phú Xuân, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (Q611040)
5 năm trước (2019)	-12,28	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q40903AM1)	-5,07	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104030)
10 năm trước (2014)	-10,50	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q40903AM1)	-3,57	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104030)
20 năm trước (2004)	-4,69	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q401030)	-0,92	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104030)

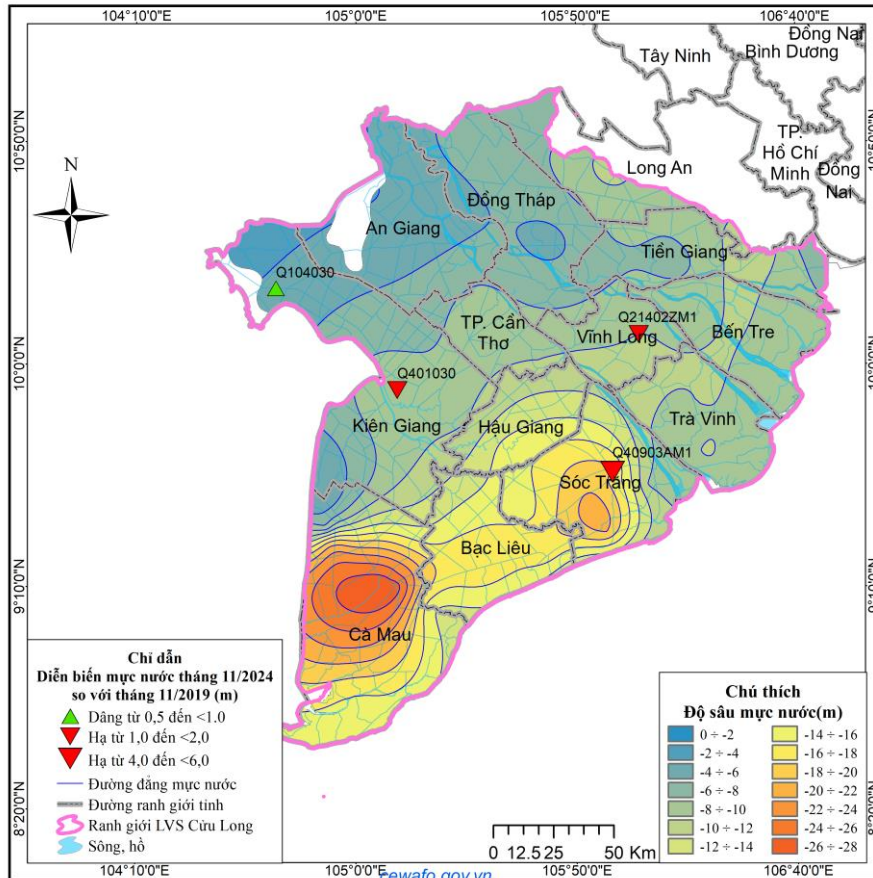
Bảng 7. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2023)	Hạ	2,18	TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (Q211030)	1,31	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104030)
5 năm trước (2019)	Hạ	5,95	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q40903AM1)	0,69	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Q104030)
10 năm trước (2014)	Hạ	7,73	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q40903AM1)	-	
20 năm trước (2004)	Hạ	5,24	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q401030)	-	

(Ghi chú: Ký hiệu "-" là không có giá trị)



Hình 10. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước



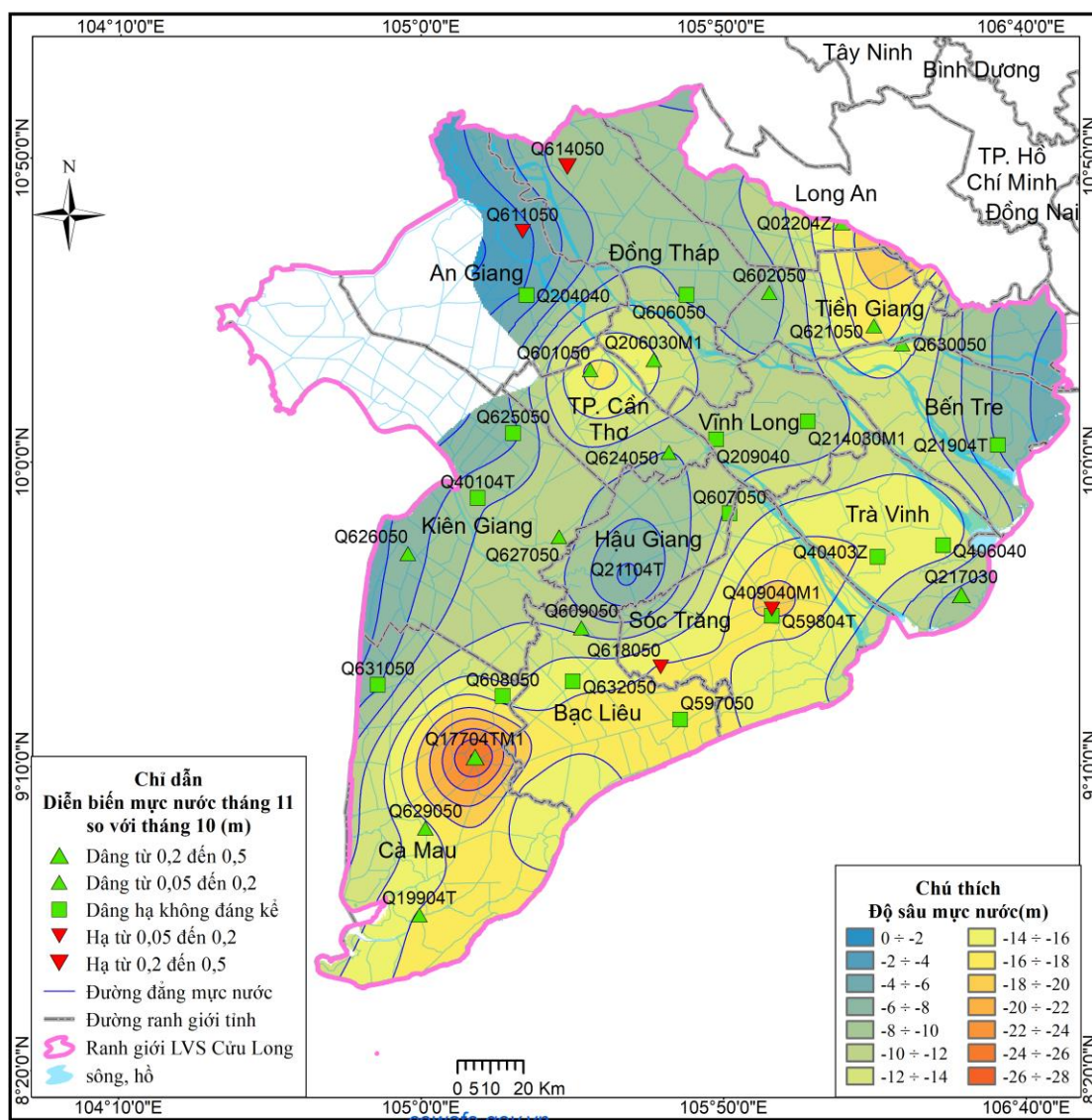
Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước



d) Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocen giữa ( $n_2^2$ )

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 15/33 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 14/33 công trình mực nước dâng và 4/33 công trình mực nước hạ. Giá trị dâng cao nhất là 0,27m tại phường 1, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Q217030) và giá trị hạ thấp nhất là 0,24m tại xã An Bình B, TX Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Q614050).

Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,38m tại xã Phú Xuân, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (Q611050) và sâu nhất là -26,19m tại Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704TM1).



Hình 12. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng  $n_2^2$

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời kỳ 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 2,98m; 6,01m; 7,89m và 13,08m tập trung ở huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh; TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; huyện Thạnh Hóa - tỉnh Long An. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

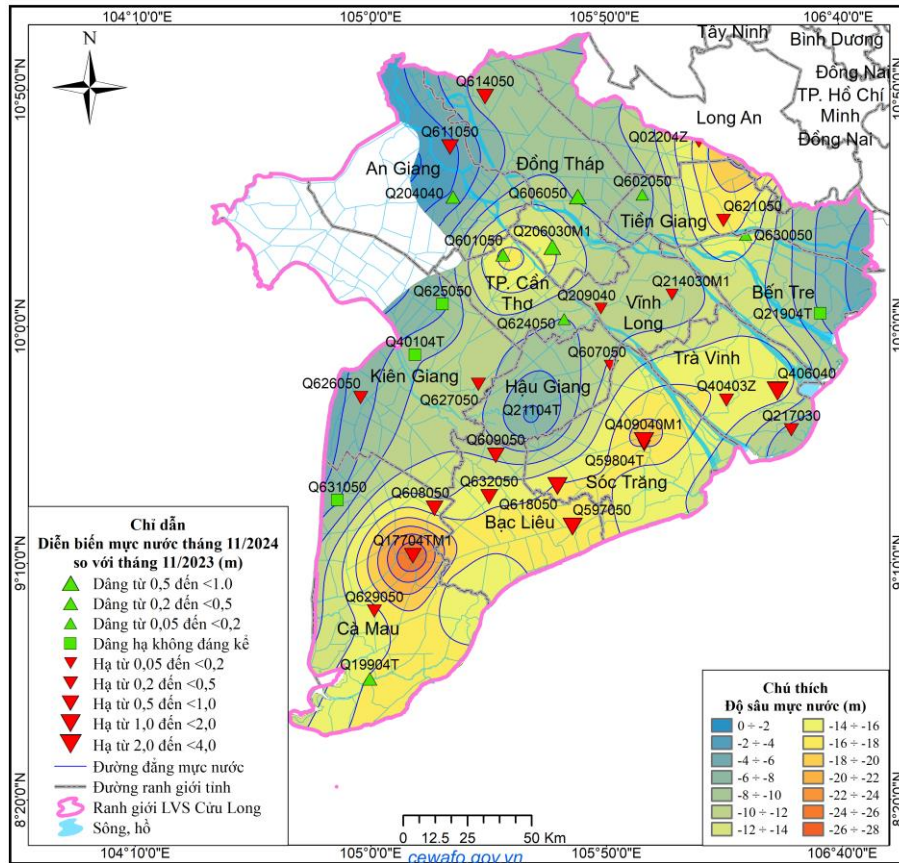
Bảng 8. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11	-26,20	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704TM1)	-3,38	xã Phú Xuân, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (Q611050)
1 năm trước (2023)	-25,21	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704TM1)	-2,64	xã Phú Xuân, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (Q611050)
5 năm trước (2019)	-23,41	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704TM1)	-7,96	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q40104T)
10 năm trước (2014)	-21,27	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704TM1)	-7,04	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q40104T)
20 năm trước (2004)	-8,63	xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (Q406040)	-3,49	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (Q02204Z)

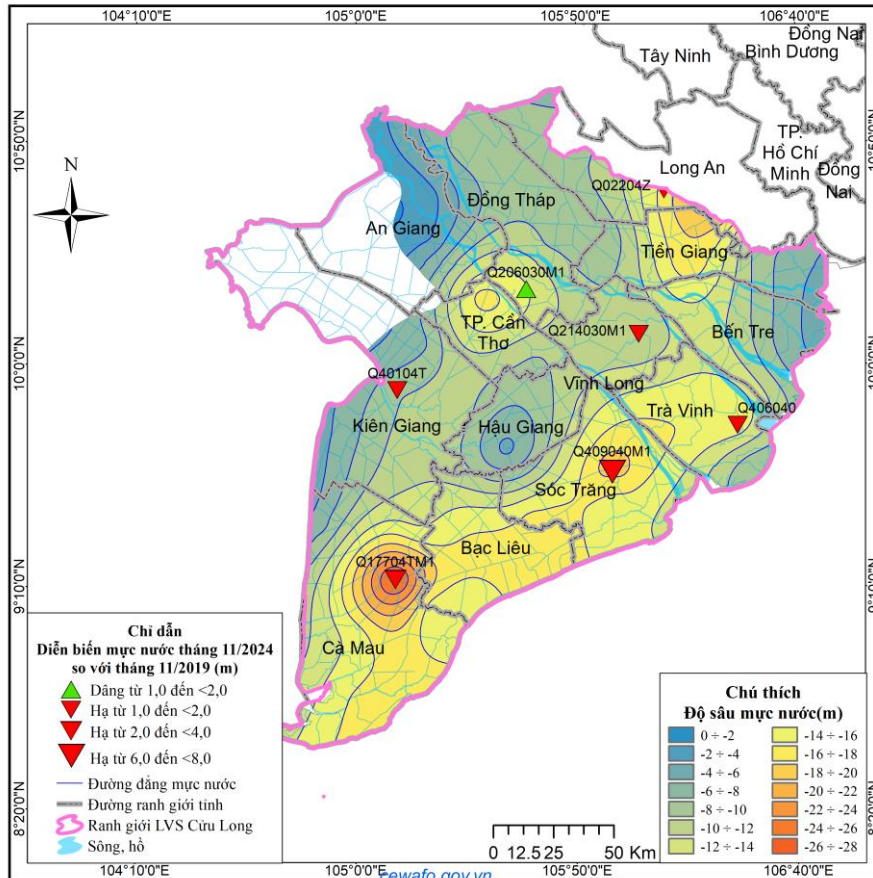
Bảng 9. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2023)	Hạ	2,98	xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (Q406040)	0,68	xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Q606050)
5 năm trước (2019)	Hạ	6,01	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q409040M1)	1,19	xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Q206030M1)
10 năm trước (2014)	Hạ	7,89	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q409040M1)	-	
20 năm trước (2004)	Hạ	13,08	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (Q02204Z)	-	

(Ghi chú: Ký hiệu "-" là không có giá trị)



Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước

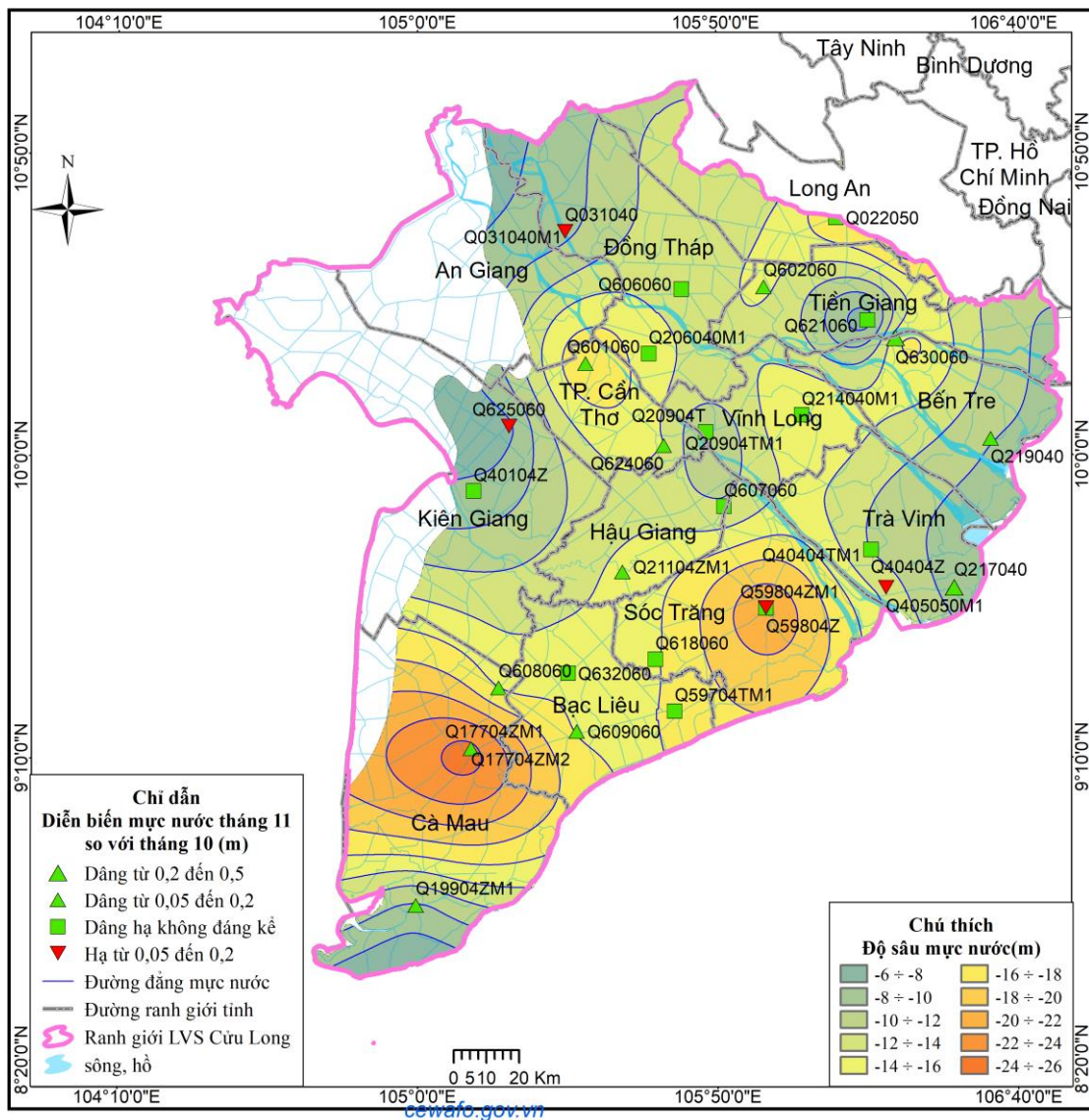


Hình 14. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

e) Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene dưới ( $n_2^1$ )

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 13/28 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 11/28 công trình mực nước dâng và 4/28 công trình mực nước hạ. Giá trị dâng cao nhất là 0,43m tại xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Q630060) và giá trị hạ thấp nhất là 0,09m tại TT Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (Q625060).

Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -7,46m tại xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Q621060) và sâu nhất là -24,34m tại Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704ZM1).



Hình 15. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng  $n_2^1$

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời kỳ 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 1,44m; 4,74m; 7,21m và 7,14m tại huyện Mãng Thít, tỉnh Vĩnh Long; huyện Trà Cú, TX Duyên Hải - tỉnh Trà Vinh. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

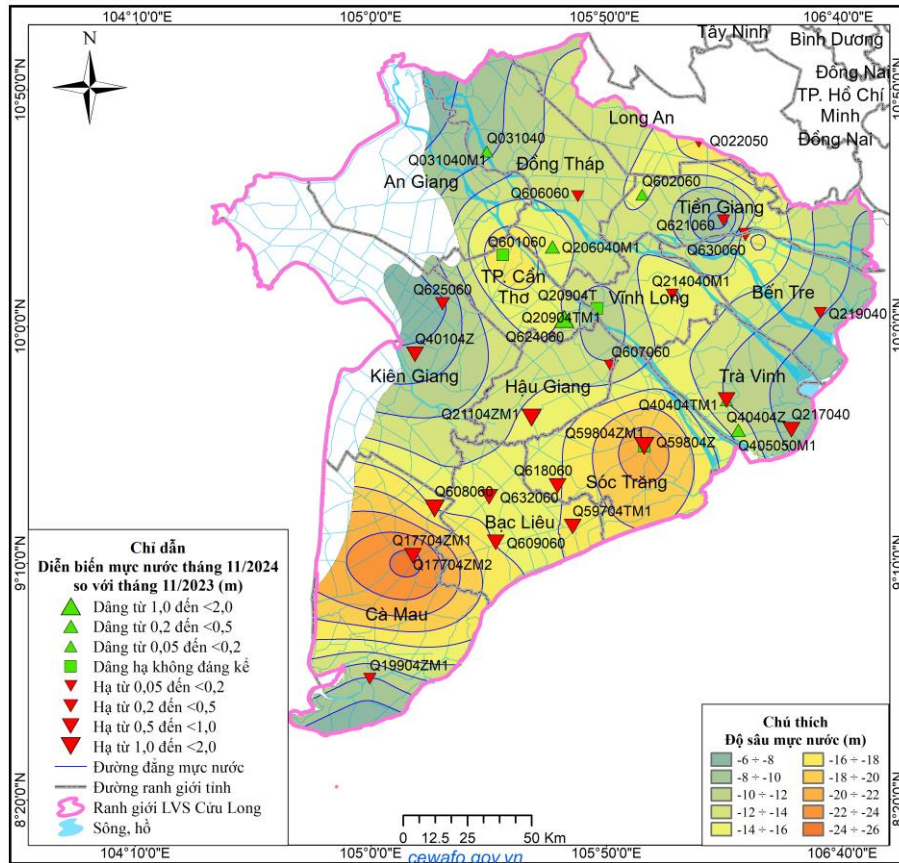
Bảng 10. Mục nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mục nước TB tháng sâu nhất		Mục nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11	-24,35	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704ZM1)	-7,46	xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Q621060)
1 năm trước (2023)	-23,76	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704ZM1)	-7,31	xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Q621060)
5 năm trước (2019)	-15,80	xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Q206040M1)	-7,04	phường 1, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Q217040)
10 năm trước (2014)	-11,31	xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Q206040M1)	-5,47	phường 1, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Q217040)
20 năm trước (2004)	-7,31	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (Q214040M1)	-2,03	phường 1, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Q217040)

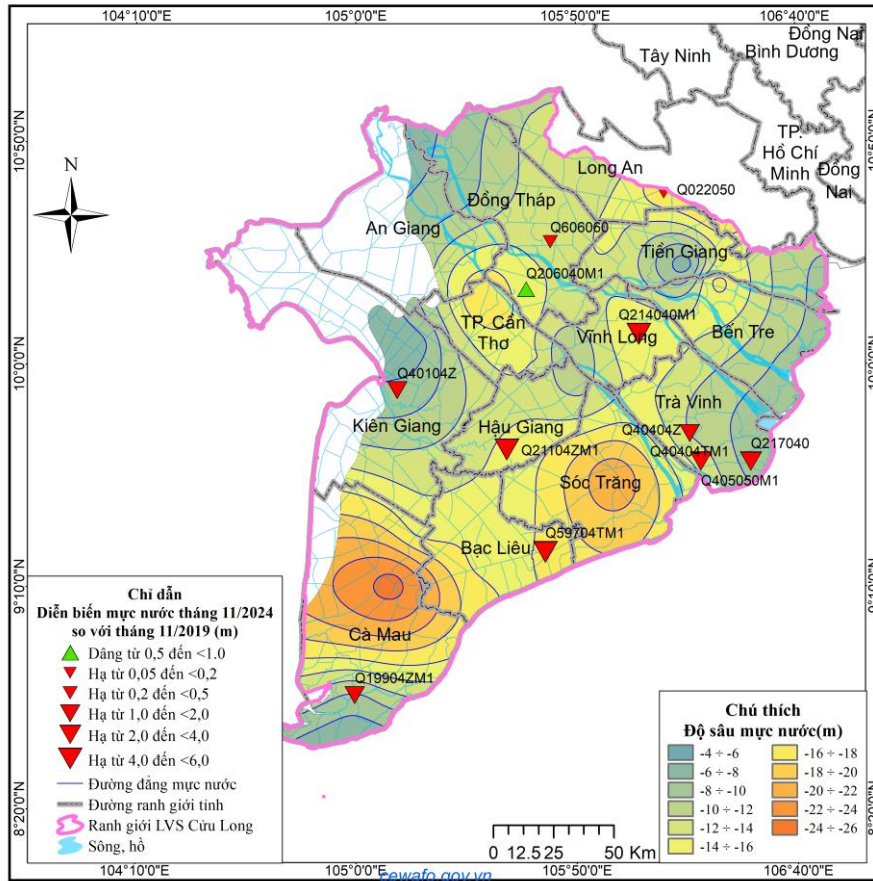
Bảng 11. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2023)	Hạ	1,44	TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (Q21104ZM1)	1,72	xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ (Q624060)
5 năm trước (2019)	Hạ	4,74	Phường 7, TX.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Q59704TM1)	0,94	xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Q206040M1)
10 năm trước (2014)	Hạ	7,21	TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (Q21104ZM1)	-	
20 năm trước (2004)	Hạ	7,14	phường 1, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Q217040)	-	

(Ghi chú: Ký hiệu "-" là không có giá trị)



Hình 16. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước



Hình 17. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

### 2.2.1.2 *Chất lượng nước*

#### a) *Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene trên (qp<sub>3</sub>)*

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn. Hầu hết các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số chỉ tiêu vượt như Mn và NH<sub>4</sub><sup>+</sup> cao nhất tại công trình Q619020 (xã An Thạnh Chung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

#### b) *Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp<sub>2-3</sub>)*

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn. Hầu hết các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số chỉ tiêu vượt như Mn vượt cao nhất là tại xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (611030) và NH<sub>4</sub><sup>+</sup> vượt cao nhất tại xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (Q683030).

#### c) *Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp<sub>1</sub>)*

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn. Hầu hết các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số chỉ tiêu vượt như Mn cao nhất tại xã An Bình B, TP. Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Q614040); Flo cao nhất tại công trình xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (Q602040) và NH<sub>4</sub><sup>+</sup> vượt lớn nhất tại xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (Q683030).

#### d) *Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocen giữa (n<sub>2</sub><sup>2</sup>)*

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn. Hầu hết các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số chỉ tiêu vượt như Mn vượt cao nhất tại xã Phú Xuân, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (Q611050); chỉ tiêu F vượt lớn nhất tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q40104T) và NH<sub>4</sub><sup>+</sup> vượt cao nhất tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (Q214030T).

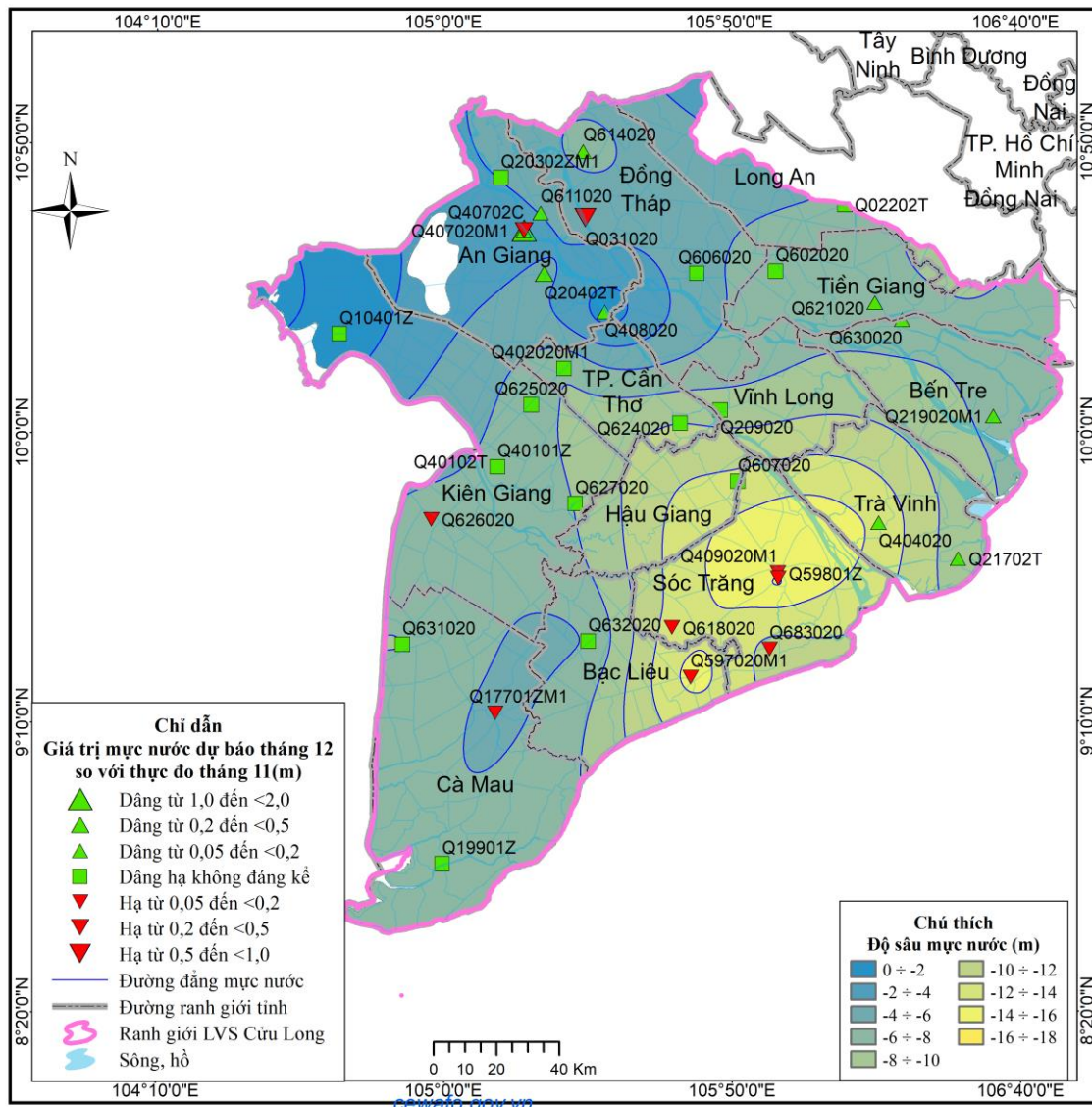
#### e) *Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene dưới (n<sub>2</sub><sup>1</sup>)*

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn. Hầu hết các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số chỉ tiêu vượt như Mn vượt cao nhất tại xã Phước Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (Q603060); chỉ tiêu F vượt cao nhất tại TT Lai Vung, Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Q206040M1) và NH<sub>4</sub><sup>+</sup> cao nhất tại công trình xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (Q214040M1).

## 2.2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

### a) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene trên ( $qp_3$ )

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 16/36 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 11/36 công trình mực nước dâng và 9/36 công trình mực nước hạ. Mực nước dâng từ 1 đến 2m tập trung ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và mực nước hạ từ 0,5 đến 1m tập trung ở huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

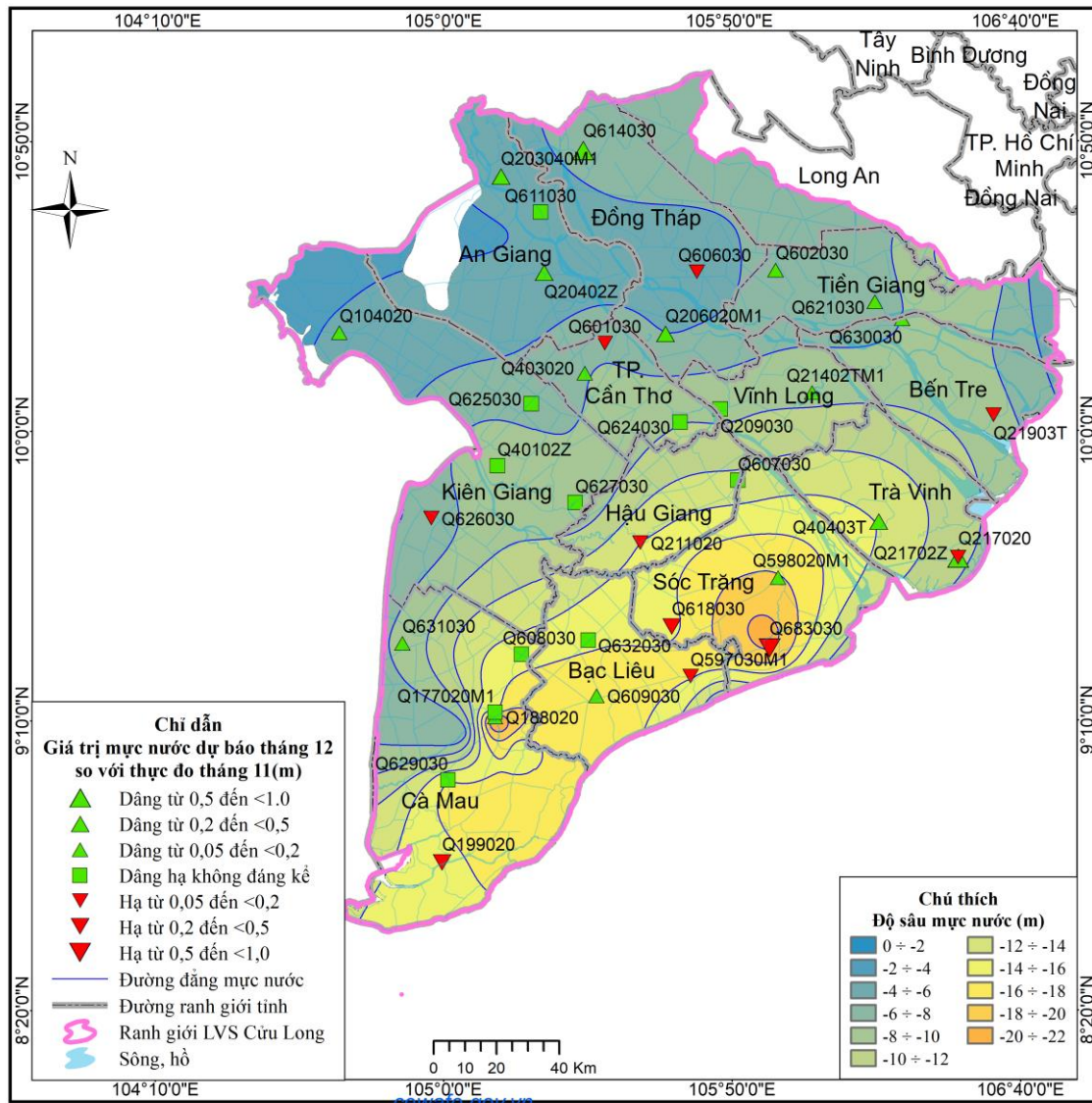


Hình 18. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng  $qp_3$  tháng 12

### b) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên ( $qp_{2-3}$ )

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế dâng, có 16/37 công trình mực nước dâng, 12/37 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể và 9/37 công trình mực nước hạ. Mực nước dâng từ 0,5 đến 1m tập trung ở TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, TX Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và mực nước hạ từ 0,5 đến 1m tập trung ở huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

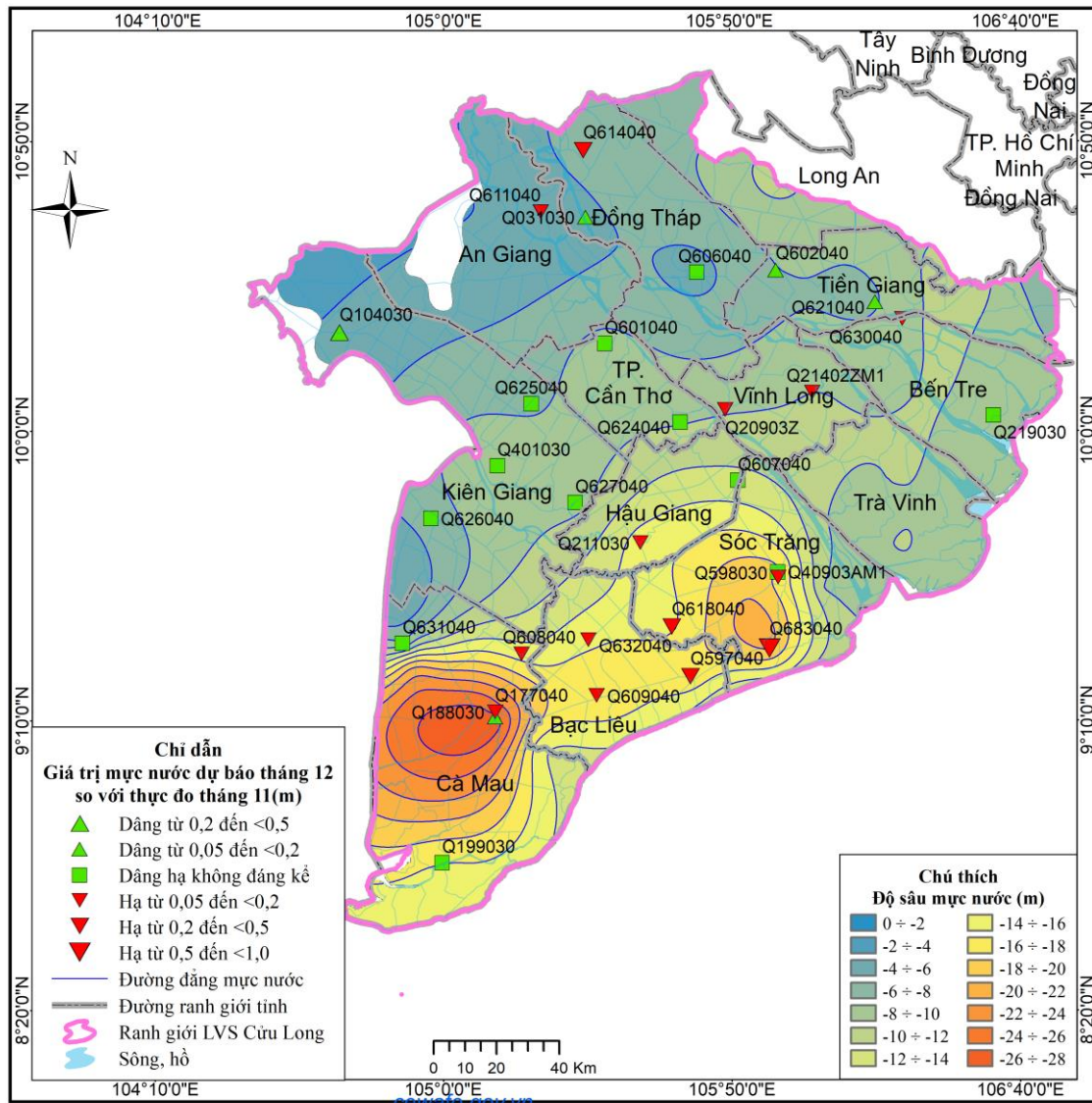




Hình 19. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng  $qp_{2-3}$  tháng 12

c) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới ( $qp_1$ )

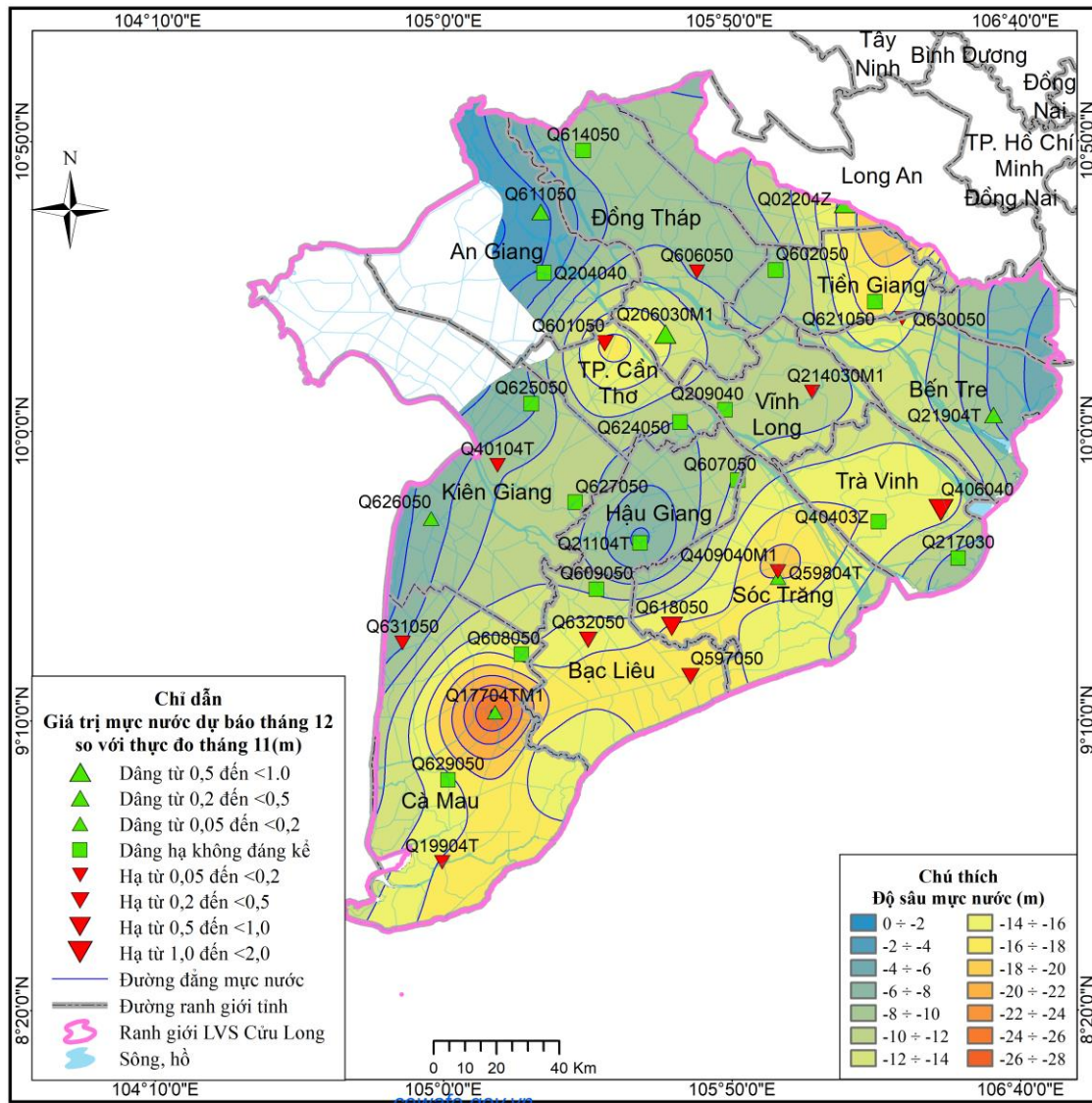
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế hạ, có 14/31 công trình mực nước hạ, 12/31 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể và 5/31 công trình mực nước dâng. Mực nước hạ từ 0,5 đến 1m tập trung ở huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và mực nước dâng từ 0,2 đến 0,5m tập trung ở huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.



Hình 20. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng  $qp_1$  tháng 12

d) Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa ( $n_2^2$ )

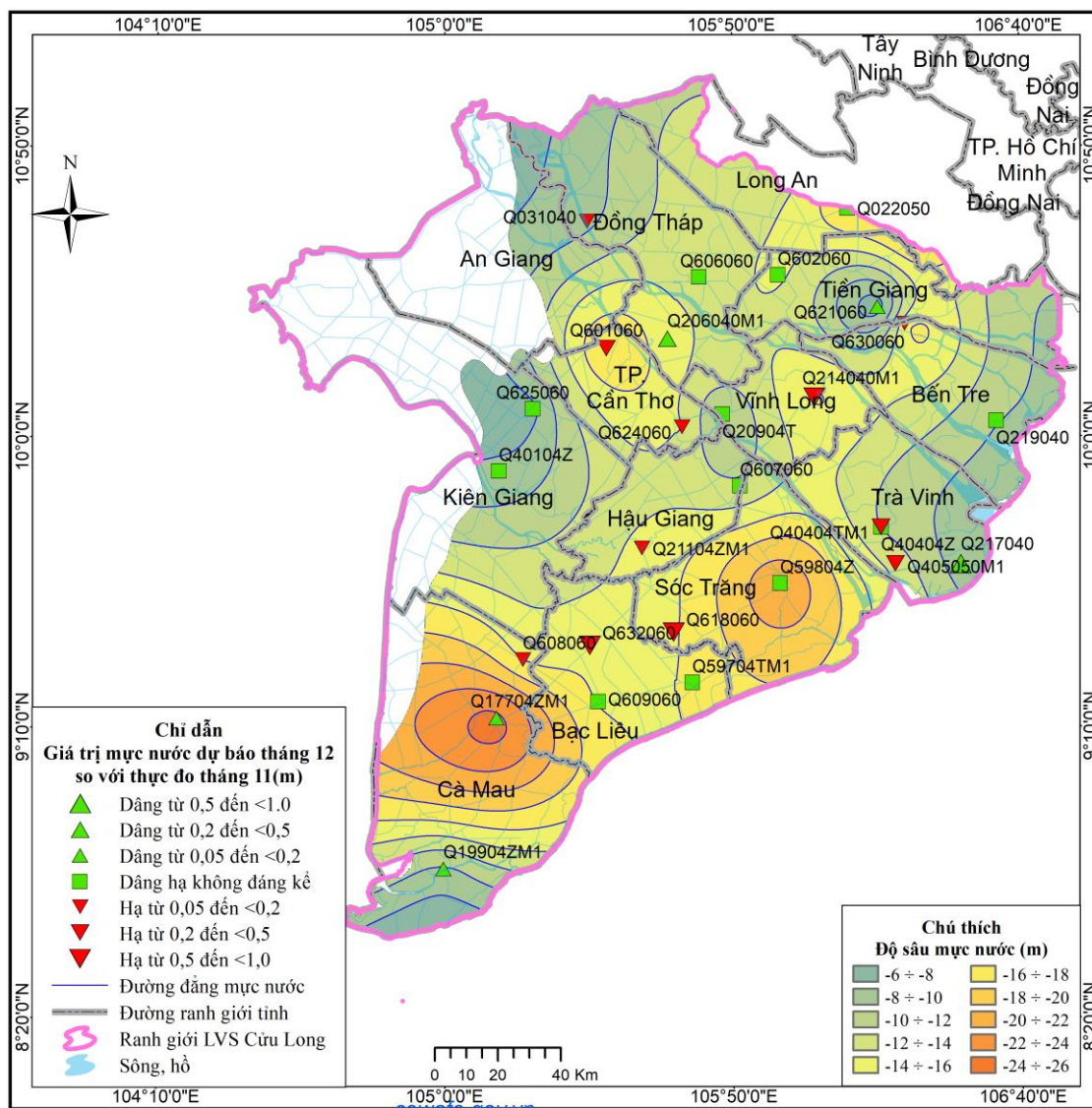
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 14/33 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 12/33 công trình mực nước hạ và 7/33 công trình mực nước dâng. Mực nước hạ từ 1 đến 2m tập trung ở huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và mực nước dâng từ 0,5 đến 1m tập trung ở huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.



Hình 21. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng  $n_2^2$  tháng 12

e) Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene dưới ( $n_2^1$ )

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 12/28 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 11/28 công trình mực nước hạ và 5/28 công trình mực nước dâng. Mực nước hạ từ 0,5 đến 1m tập trung ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và mực nước dâng từ 0,5 đến 1m tập trung ở TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.



Hình 22. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng  $n_2^1$  tháng 12

### 2.2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất, trong lưu vực sông Cửu Long trong tháng 10 có 8 công trình có độ sâu mực nước hiện đang vượt quá 50% ngưỡng giới hạn cho phép (GHCP) (xem bảng sau). Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác quanh khu vực này:

Bảng 12. Cảnh báo độ sâu mực nước trung bình tháng 11

STT	SHLK	TCN	Vị trí	Độ sâu mực nước(m)	Ngưỡng GHCP (m)	% vượt ngưỡng GHCP
1	Q188020	qp2-3	Phường 5, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau	-21,23	-35	60,66
2	Q199020	qp2-3	TT Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	-15,16	-30	50,55
3	Q177040	qp1	Phường 9, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau	-25,37	-35	72,49
4	Q188030	qp1	Phường 5, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau	-26,60	-35	75,99

STT	SHLK	TCN	Vị trí	Độ sâu mực nước(m)	Ngưỡng GHCP (m)	% vượt ngưỡng GHCP
5	Q199030	qp <sub>1</sub>	TT Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	-16,09	-30	53,63
6	Q02204Z	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An	-16,56	-30	55,22
7	Q17704TM1	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau	-26,20	-35	74,85
8	Q19904T	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>	TT Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	-16,15	-30	53,83
9	Q206030M1	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>	xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	-14,28	-30	47,60
10	Q621050	n <sub>2</sub> <sup>2</sup>	xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	-16,97	-30	56,55
11	Q022050	n <sub>2</sub> <sup>1</sup>	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An	-17,61	-30	58,72
12	Q17704ZM1	n <sub>2</sub> <sup>1</sup>	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau	-24,35	-35	69,56
13	Q206040M1	n <sub>2</sub> <sup>1</sup>	xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	-14,86	-30	49,53

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

#### 3.1. Đối với tài nguyên nước mặt

Tổng lượng tài nguyên nước mặt dự báo trên lưu vực sông Cửu Long có xu thế cao hơn trung bình khoảng 14 - 20 % so với tháng 12 năm 2023 do đang trong thời kỳ chuyển tiếp sang mùa khô. Vì vậy, các địa phương tiếp tục tận dụng nước mưa và tích trữ nước ngọt để phục vụ sinh hoạt, canh tác tại địa phương và theo dõi các bản tin tiếp theo để có kế hoạch khai thác sử dụng nước phù hợp.

#### 3.2. Đối với tài nguyên nước dưới đất

Đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương và các tổ chức, cá nhân có khai thác sử dụng nguồn nước dưới đất tiếp tục theo dõi và có các biện pháp, kế hoạch khai thác phù hợp đối với các khu vực có độ sâu mực nước vượt quá giới hạn cho phép cho phép đặc biệt là tại các khu vực huyện Năm Căn, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang; huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp.

Nhìn chung, chất lượng nước dưới đất tại các tầng chứa nước trên lưu vực sông Cửu Long trong mùa mưa năm 2024 đa số nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, hàm lượng Mn, F và NH<sub>4</sub><sup>+</sup> vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN (GTGH) CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F <sup>-</sup> )	mg/l	1
	11	Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN <sup>-</sup> )	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C <sub>6</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C <sub>14</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>5</sub> )	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> & C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C <sub>12</sub> H <sub>21</sub> N <sub>2</sub> O <sub>3</sub> PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C <sub>10</sub> H <sub>14</sub> NO <sub>5</sub> PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện